

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/DS-PT

Ngày: 30/11/2017

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký Tòa án: Bà Trương Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2017/TLPT-DS ngày 24/10/2017 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐ-PT ngày 17/11/2017 giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc B**, sinh năm 1953 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 6, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước; người kháng cáo: Ông Trần Ngọc B.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Trần Ngọc B trình bày:

Ngày 10/7/2014 ông Trần Ngọc B và bà Trần Thị T (sau đây được gọi là ông B và bà T) có thỏa thuận về việc mua bán hạt điều thô với nhau, nên chị T có đặt cọc số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho bên bán là ông B. Khi nhận tiền đặt cọc ông B có lập “Giấy nhận cọc” cho bà T với nội dung:

“*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độc lập, tự do, hạnh phúc. Giấy nhận cọc. Tôi tên là Trần Ngọc B, sinh năm 1953 hiện trú tại thôn T, xã T. Đã nhận cọc*

tiền bán điều của cô Trần Thị T, sinh năm 1980 hiện ở tại B số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu y). Phương thức bán điều: Bán mỗ độ 5 tấn trong đó giá 28.000đ/kg và 1,3 tấn (1 tấn ba) giá 2.000đ/kg”.

Theo ông B số kg điều tổng cộng hai bên thỏa thuận mua bán là 5.000kg (Năm tấn). Việc ông B ghi: “*Phương thức bán điều: Bán mỗ độ 5 tấn trong đó giá 28.000đ/kg và 1,3 tấn (1 tấn ba) giá 2.000đ/kg*”. Tức hai bên thỏa thuận bán mỗ về giá cả điều đẹp giá 28.000đ/kg và điều xấu là 1,3 tấn (1.300kg) giá 2.000đ (Hai nghìn đồng)/kg. Vì số điều xấu là số điều nằm bên dưới sát sàn bị ẩm mốc, nên ý của ông B là bán mỗ về số điều xấu này khoảng 1,3 tấn chứ không bán mỗ tổng số điều 5.000kg (Năm tấn).

Ngày 11/7/2014 bà T đến nhà ông B chờ điều nhưng không có ông B ở nhà, nên ông B có điện thoại nhờ chị Mai Thị Bốn cân điều cho bà T và ghi lại số điều cân được là 5.845,8kg.

Như vậy số tiền bán điều gồm:

- Điều xấu 1.300kg x giá 2.000đ/kg = 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);
- Điều đẹp 5.845,8kg - 1.300kg = 4.545,8kg x giá 28.000đ/kg = 127.282.400đ (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng)

Thành tiền tổng cộng là: 129.882.400đ (Một trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Bà T đã thanh toán (đặt cọc) 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), nên còn nợ lại số tiền 29.882.400đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Ngày 08/10/2014 ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán hạt điều còn thiếu là 31.128.400 đồng và tiền mua bán gà chưa thanh toán là 671.500 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước kể từ ngày mua bán là ngày 11/7/2014 đến khi xét xử vụ án.

Ngày 21/4/2017 ông B có sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền mua hạt điều còn thiếu là 29.882.400đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 9%/1 năm đối với số tiền này kể từ ngày 11/7/2014 đến khi xét xử vụ án.

** Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Ngày 10/7/2014 bà có đặt cọc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền mua 5.000kg (Năm tấn) hạt điều thô của ông B. Khi đặt cọc tiền ông B có lập “Giấy nhận cọc” với nội dung như ông B trình bày.

Giấy nhận cọc là do ông B tự tay viết bổ sung sau khi hai bên thỏa thuận phương thức mua bán là bán mỗ: “*Phương thức bán điều: Bán mỗ độ 5 tấn trong đó giá 28.000đ/kg và 1,3 tấn (1 tấn ba) giá 2.000đ/kg*”. Tuy nhiên, đến sáng ngày 11/7/2014 bà vào nhận điều thì thấy có sự thay đổi về chất lượng hàng so với hôm 10/7/2014 đặt cọc. Cụ thể là số điều xấu (tức điều vụ mùa năm 2013) nhiều hơn số

điều đẹp (tức điều vụ mùa năm 2014), nên bà có điện thoại cho ông B tính toán lại số điều hai bên đã thỏa thuận ngày 10/7/2014, nhưng ông B không chịu, ông B nói nếu bà không nhận hàng thì phải mất tiền cọc. Vì vậy, bà có yêu cầu cân lên để xem kết quả như thế nào. Khi cân lên thì tổng số điều là 5.845,8kg trong đó có hơn 4.000kg điều xấu giá thỏa thuận 2.000đ/1kg, còn lại là hơn 1.000kg là điều đẹp giá 28.000đ/1kg. Bà có điện thoại yêu cầu ông B tính lại giá cả cho bà, nhưng ông B không đồng ý thỏa thuận lại và cũng không chấp nhận trả tiền cọc. Sau đó bà có điện thoại cho ông B nhiều lần nhưng không liên lạc được, nên đến chiều cùng ngày buộc bà phải chở điều về chấp nhận thua lỗ.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền còn thiếu 29.882.400đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản là 9%/1 năm đối với số tiền này kể từ ngày 11/7/2014 đến khi xét xử vụ án thì bà không đồng ý. Bà chỉ chấp nhận thanh toán cho ông B số tiền còn thiếu lại so với phương thức hai bên mua bán ban đầu đã thỏa thuận bán mỗ còn thiếu lại là 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản là 9%/1 năm đối với số tiền này kể từ ngày 11/7/2014 đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc B.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Ngọc B số tiền 24.162.400đ (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và lãi suất đối với số tiền chậm trả là 6.662.782đ (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng), thành số tiền tổng cộng là 30.825.182đ (Ba mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Trần Thị T phải nộp là **1.541.259đ** (Một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi chín đồng).

Ông Trần Ngọc B phải chịu **364.869đ** (Ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng). Trả lại cho ông Trần Ngọc B số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 431.131đ (Bốn trăm ba mươi mốt nghìn một trăm ba mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 025544 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/8/2017, nguyên đơn ông Trần Ngọc B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông buộc bị đơn bà Trần Thị T có

nghĩa vụ phải thanh toán cho ông số tiền 29.882.400 đồng và tiền lãi suất tương ứng; ông cũng không đồng ý với số tiền án phí mà ông phải chịu theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 17/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KNPT-VKS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc bà T phải thanh toán cho ông B số tiền 6.200.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền này kể từ ngày 14/7/2014 đến ngày xét xử vụ án; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền còn lại và buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc B; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa Bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Ngọc B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Ngọc B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước thấy rằng: Các bên đương sự đều thừa nhận ngày 10/7/2014 ông B, bà T có thỏa thuận về việc mua bán hạt điều thô với nhau, nên bên mua là bà T có đặt cọc cho ông B số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ông B có viết giấy nhận cọc. Ông B cho rằng, hai bên chỉ thỏa thuận bán mỗ về giá cả điều đẹp giá 28.000đ/1kg và điều xấu là 1,3 tấn (1.300kg) giá 2.000đ (Hai nghìn đồng)/1kg. Vì số điều xấu là số điều nằm bên dưới sát sàn bị ẩm mốc, nên ý của ông B là bán mỗ về số điều xấu này khoảng 1,3 tấn chứ không bán mỗ tổng số điều 5.000kg (Năm tấn). Ngày 11/7/2014 bà T đến nhà ông chở điều nhưng không có ông ở nhà, nên có điện thoại nhờ chị Mai Thị Bốn cân điều cho bà T và ghi lại số điều cân được là 5.845,8kg, sau khi tính toán trừ đi tiền cọc thì bà T còn nợ lại số tiền 29.882.400đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Bị đơn bà T không đồng ý và cho rằng bán mỗ là bán cả về số lượng, trọng lượng, chất lượng, giá cả nên số tiền bà còn thiếu lại ông B là 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản là 9%/1 năm đối với số tiền này kể từ ngày 11/7/2014 đến nay.

[2] Xét lời trình bày của ông B, bà T cùng giấy nhận cọc ngày 10/7/2014 do ông B viết có nội dung “...Tôi tên là *Trần Ngọc B*, sinh năm 1953 hiện trú tại thôn T, xã T. Đã nhận cọc tiền bán điều của cô *Trần Thị T*, sinh năm 1980 hiện ở tại B số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu y). Phương thức bán điều: Bán mỗ độ 5 tấn trong đó giá 28.000đ/kg và 1,3 tấn (1 tấn ba) giá 2.000đ/kg”. Thấy rằng việc mua bán mỗ về trọng lượng là 5 tấn trong đó giá 28.000đ/kg và 1,3 tấn (1 tấn ba) giá 2.000đ/kg” là cụ thể và rõ ràng về số lượng và giá cả. Mặt khác, khi nhận điều, phía bà T có cân lại số lượng hạt điều, bà T cho rằng số lượng hạt điều xấu nhiều nên bà cân để thỏa thuận với ông B. Phía ông B không thừa nhận điều này mà cho rằng bà T phải thanh toán theo số lượng đã cân vì ông chỉ mỗ về lượng hạt điều xấu. Lời trình bày của các bên không được phía bên kia công nhận nên không được xem là chứng cứ. Sau đó các bên cũng không có thỏa thuận nào khác thay thế cách thức mua bán được thỏa thuận ngày 10/7/2014. Tòa án cấp sơ thẩm chia tỷ lệ số lượng điều xấu và điều đẹp trong tổng số điều mà bà T cân để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 24.162.400 đồng còn nợ lại và lãi suất chậm trả là không đúng thỏa thuận giữa các bên. Theo như giấy nhận cọc ngày 10/7/2014 thì các bên thỏa thuận mua bán với hình thức mua bán mỗ, như vậy tổng số lượng 5000kg điều trong đó 3.700kg giá 28.000đ/kg là: $3.700\text{kg} \times 28.000\text{đ} = 103.600.000$ đồng và 1.300kg giá 2000đ/kg là $1.300\text{kg} \times 2000\text{đ} = 2.600.000$ đồng; tổng giá trị điều mua bán mỗ là $103.600.000$ đồng + $2.600.000$ đồng = $106.200.000$ đồng, bà T đã dùng tiền cọc để thanh toán trước cho ông B là 100.000.000 đồng nên cần buộc bà T phải trả cho ông B số tiền còn nợ lại là 6.200.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số nợ trên là 1.710.000 đồng, tổng cộng là 7.910.000 đồng. Cần sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Về phần án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại như sau: ông B yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả tổng số tiền gốc 29.882.400 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.223.500 đồng tổng cộng là 38.115.900 đồng. Tuy nhiên, như đã nhận định nêu trên yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận một phần với tổng số tiền là 7.910.000 đồng nên ông B phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là $38.115.900\text{đ} - 7.910.000\text{đ} = 30.205.900\text{đ} \times 5\% = 1.610.000$ đồng.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $7.910.000\text{đ} \times 5\% = 395.500$ đồng.

[4] Về áp dụng pháp luật: Vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 thời điểm Nghị quyết 326 về án phí chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để tính án phí là không phù hợp. Ngoài ra ngày 21/4/2017 ông B có đơn khởi kiện bổ sung có nội dung rút yêu cầu đối với số tiền mua bán gà là 671.500 đồng tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là thiếu sót cần phải rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định nêu trên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện P; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần

Ngọc B, sửa Bản án số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Toà án nhân dân huyện P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa có căn cứ nên được chấp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nên ông Trần Ngọc B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Ngọc B.

Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ/KNPT-VKS ngày 17/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Toà án nhân dân huyện P.

Áp dụng: Điều 290; Điều 305; Điều 428; Điều 432; Điều 427 và Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Ngọc B tổng số tiền là 7.910.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 6.200.000 đồng, tiền lãi suất là 1.710.000 đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B về việc buộc bà Trần Thị T trả số tiền mua bán gà là 671.500 đồng do ông B rút yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu là 395.500 đồng (Ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ông Trần Ngọc B phải chịu 1.610.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 025544 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, ông Trần Ngọc B còn phải nộp thêm số tiền là 814.000 đồng (Tám trăm mười bốn nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc B phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 026000 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Viết Hùng

Nguyễn Văn Nhân

Nguyễn Đình Loan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Loan

